BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH BẮC
Số: 1616/QĐ-ĐHKB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày 14 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi kiểm tra ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản của Trường Đại học Kinh Bắc

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH BẮC

Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-TTg ngày 26/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh Bắc;

Căn cứ Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ kế hoạch số 1517/KH-ĐHKB ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh Bắc về việc tổ chức thi cấp chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản và chuẩn đầu ra ngoại ngữ học kì I năm học 2025 – 2026.

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học của Trường Đại học Kinh Bắc;

Căn cứ hồ sơ đăng ký kiểm tra của thí sinh;

Xét đề nghị của Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách 181 thí sinh đủ điều kiện dự thi kiểm tra ứng dụng CNTT cơ bản của Trường Đại học Kinh Bắc ngày 22/11/2025 *(có danh sách kèm theo)*.

Điều 2. Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận*:**
- Như Điều 2;
- Lưu VT, ĐT./.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH BẮC

TS. Phạm Ngọc Trúc

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH BẮC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI
KIỂM TRA ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
(Kèm theo Quyết định số 1616 /QĐ-ĐHKB ngày 14 /11 /2025 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh Bắc)
Ngày kiểm tra: 22/11/2025

STT	Mã hồ sơ		Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Mã SV	Ghi chú
1	CCTH	894	Nguyễn Thị Mai Anh	07/07/1997	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH1	10D2010003	
2	CCTH	911	Nguyễn Thị Ngọc Anh	10/02/1992	Bắc Giang	Nữ	Kinh	10D.PH1	10D2010004	
3	CCTH	901	Vũ Đăng Ánh	12/09/1997	Bắc Ninh	Nam	Kinh	10D.PH1	10D2010005	
4	CCTH	918	Trịnh Mạnh Cường	28/05/1979	Bắc Ninh	Nam	Kinh	10D.PH1	10D2010008	
5	CCTH	915	Nguyễn Thị Dinh	17/02/1985	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH1	10D2010009	
6	CCTH	907	Nguyễn Tiến Dũng	30/03/1993	Bắc Ninh	Nam	Kinh	10D.PH1	10D2010010	
7	CCTH	888	Thân Thị Hạnh	23/08/1984	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH1	10D2010013	
8	CCTH	904	Nguyễn Thị Hằng	22/08/1985	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH1	10D2010014	
9	CCTH	905	Nguyễn Thị Hiên	19/04/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH1	10D2010016	
10	CCTH	909	Nguyễn Thị Hiên	28/08/1990	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH1	10D2010015	
11	CCTH	914	Trịnh Thị Thanh Hiền	27/07/2003	Nam Định	Nữ	Kinh	10D.PH1	10D2010019	
12	CCTH	916	Đoàn Văn Hiếu	28/09/1996	Bắc Ninh	Nam	Kinh	10D.PH1	10D2010017	
13	CCTH	896	Vũ Trung Hiếu	11/02/2003	Hải Dương	Nam	Kinh	10D.PH1	10D2010018	
14	CCTH	899	Tạ Huy Hoàng	04/09/1990	Bắc Ninh	Nam	Kinh	10D.PH1	10D2010021	
15	CCTH	902	Dương Thị Huệ	19/10/1983	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH1	10D2010022	
16	CCTH	903	Nguyễn Thị Huệ	05/10/1996	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH1	10D2010024	
17	CCTH	900	Lê Khánh Huyền	12/03/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	10D.PH1	10D2010025	
18	CCTH	912	Dương Thùy Hưng	05/10/1988	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH1	10D2010026	
19	CCTH	898	Nguyễn Thị Lan Hương	09/02/1993	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH1	10D2010027	
20	CCTH	897	Nguyễn Thị Mai Hương	13/12/1996	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH1	10D2010028	
21	CCTH	917	Bùi Thị Ánh Hường	13/04/1987	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH1	10D2010029	
22	CCTH	910	Nguyễn Thị Hường	20/11/1993	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH1	10D2010030	
23	CCTH	846	Đặng Thị Hà Phương	12/10/2003	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	10D.PH1	10D2010032	
24	CCTH	835	Phạm Thị Hủy	02/04/1986	Bắc Giang	Nữ	Kinh	10D.PH2	10D2010034	
25	CCTH	908	Vũ Long Khánh	02/09/1988	Bắc Giang	Nam	Kinh	10D.PH2	10D2010035	
26	CCTH	832	Nguyễn Thị Lại	25/12/1990	Bắc Giang	Nữ	Kinh	10D.PH2	10D2010036	
27	CCTH	831	Nguyễn Thị Mai Liên	29/06/1990	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH2	10D2010037	
28	CCTH	919	Hoàng Thị Linh	28/01/1997	Hải Dương	Nữ	Kinh	10D.PH2	10D2010038	
29	CCTH	895	Nguyễn Thanh Mai	04/07/1998	Nghệ An	Nữ	Kinh	10D.PH2	10D2010044	
30	CCTH	925	Nguyễn Thế Minh	18/05/1998	Thái Nguyên	Nam	Kinh	10D.PH2	10D2010045	
31	CCTH	890	Phạm Thị Diệu Ninh	05/05/1988	Hải Dương	Nữ	Kinh	10D.PH2	10D2010051	
32	CCTH	823	Vũ Thị Ngân	26/03/1988	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH2	10D2010047	
33	CCTH	921	Hoàng Thị Ngọc	23/08/1988	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH2	10D2010048	
34	CCTH	922	Lê Thị Nhung	20/01/1993	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	10D.PH2	10D2010049	
35	CCTH	887	Vũ Thị Oanh	15/05/1990	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH2	10D2010052	
36	CCTH	830	Nguyễn Đình Phan	05/08/1983	Bắc Ninh	Nam	Kinh	10D.PH2	10D2010053	
37	CCTH	923	Nguyễn Thị Phúc	03/01/1988	Bắc Giang	Nữ	Kinh	10D.PH2	10D2010054	
38	CCTH	884	Phạm Thị Quyên	20/09/1991	Hải Dương	Nữ	Kinh	10D.PH2	10D2010056	
39	CCTH	834	Nguyễn Thị Quỳnh	06/03/1998	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH2	10D2010057	
40	CCTH	920	Trần Thị Anh Sinh	10/10/1993	Nam Định	Nữ	Kinh	10D.PH2	10D2010058	
41	CCTH	926	Nguyễn Thị Tươi	02/10/1989	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH2	10D2010069	
42	CCTH	885	Nguyễn Thị Thảo	08/10/1995	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH2	10D2010060	

STT	Mã hồ sơ		Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Mã SV	Ghi chú
43	CCTH	886	Nguyễn Thị Thêm	05/03/1998	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH2	10D2010061	
44	CCTH	892	Nguyễn Thị Thủy	19/03/1993	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH2	10D2010064	
45	CCTH	889	Lê Thị Thúy	06/11/1991	Hà Nam	Nữ	Kinh	10D.PH2	10D2010062	
46	CCTH	891	Nguyễn Thị Thư	25/11/1987	Bắc Giang	Nữ	Kinh	10D.PH2	10D2010065	
47	CCTH	833	Dương Thị Thu Trang	01/06/1994	Bắc Giang	Nữ	Kinh	10D.PH2	10D2010068	
48	CCTH	913	Ngọc Đức Anh	21/01/1993	Bắc Giang	Nam	Kinh	10D.PH3	10D2010073	
49	CCTH	813	Nguyễn Ngọc Anh	19/11/1988	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	10D.PH3	10D2010074	
50	CCTH	798	Nguyễn Thị Lan Anh	16/03/1999	Hải Dương	Nữ	Kinh	10D.PH3	10D2010134	
51	CCTH	804	Trần Văn Cồ	18/04/1985	Bắc Giang	Nam	Kinh	10D.PH3	10D2010076	
52	CCTH	802	Lò Bích Diệp	12/02/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	10D.PH3	10D2010079	
53	CCTH	801	Nguyễn Thị Thùy Dung	29/09/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH3	10D2010137	
54	CCTH	827	Nguyễn Thị Thùy Dung	08/09/1997	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH3	10D2010155	
55	CCTH	797	Dương Thị Dương	07/10/1991	Hải Dương	Nữ	Kinh	10D.PH3	10D2010081	
56	CCTH	883	Nguyễn Thị Đào	09/10/1982	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH3	10D2010082	
57	CCTH	818	Trần Thảo Giang	11/07/1995	Bắc Giang	Nữ	Kinh	10D.PH3	10D2010084	
58	CCTH	819	Hoàng Thị Ngọc Hà	08/01/1988	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	10D.PH3	10D2010138	
59	CCTH	799	Nguyễn Thị Hạnh	29/03/1972	Bắc Giang	Nữ	Kinh	10D.PH3	10D2010088	
60	CCTH	826	Phạm Thị Hằng	23/06/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH3	10D2010090	
61	CCTH	812	Nguyễn Thị Hậu	15/08/1998	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH3	10D2010139	
62	CCTH	815	Đinh Thị Hiên	14/03/1985	Bắc Giang	Nữ	Kinh	10D.PH3	10D2010091	
63	CCTH	807	Đào Thu Huyền	25/10/1983	Hưng Yên	Nữ	Kinh	10D.PH3	10D2010095	
64	CCTH	825	Nguyễn Thị Khuyên	25/02/1998	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH3	10D2010143	
65	CCTH	820	Dương Thị Ngọc Lan	23/07/1987	Bắc Giang	Nữ	Kinh	10D.PH3	10D2010098	
66	CCTH	803	Đỗ Thị Lan	05/03/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	10D.PH3	10D2010144	
67	CCTH	810	Nguyễn Thị Liên	04/05/1984	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH3	10D2010100	
68	CCTH	882	Trần Thị Linh	17/11/1990	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH3	10D2010130	
69	CCTH	816	Đỗ Thị Luyến	18/09/1998	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH3	10D2010101	
70	CCTH	800	Lê Thị Hương Lý	19/12/1984	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH3	10D2010102	
71	CCTH	829	Nguyễn Thị Nga	26/07/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	10D.PH3	10D2010107	
72	CCTH	809	Trương Như Ngọc	05/08/1984	Bắc Giang	Nữ	Kinh	10D.PH3	10D2010108	
73	CCTH	837	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	03/08/1982	Nghệ An	Nữ	Kinh	10D.PH3	10D2010109	
74	CCTH	821	Nguyễn Thị Phương	15/12/1995	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH3	10D2010110	
75	CCTH	817	Nguyễn Thị Quế	06/09/1987	Bắc Giang	Nữ	Kinh	10D.PH3	10D2010112	
76	CCTH	805	Nguyễn Thị Quyên	05/04/1987	Bắc Giang	Nữ	Kinh	10D.PH3	10D2010113	
77	CCTH	822	Nguyễn Văn Quỳnh	02/03/1984	Bắc Ninh	Nam	Kinh	10D.PH3	10D2010114	
78	CCTH	828	Nguyễn Nam Sơn	28/09/1995	Bắc Ninh	Nam	Kinh	10D.PH3	10D2010147	
79	CCTH	806	Nguyễn Thị Thanh Tâm	01/02/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	10D.PH3	10D2010116	
80	CCTH	814	Dương Thị Ngọc Tiến	07/06/1993	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	10D.PH3	10D2010149	
81	CCTH	836	Nguyễn Thị Tuyết	28/11/1986	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH3	10D2010119	
82	CCTH	752	Ngụy Phú Thiên	23/01/2003	TP Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	10D.PH3	10D2010121	
83	CCTH	906	Nguyễn Thị Thương	27/03/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	10D.PH3	10D2010123	
84	CCTH	824	Nguyễn Thị Trang	17/11/1997	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH3	10D2010131	
85	CCTH	847	Nguyễn Thị Trính	06/10/1989	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH3	10D2010125	
86	CCTH	808	Phan Thanh Vinh	24/04/1982	Hải Dương	Nam	Kinh	10D.PH3	10D2010126	
87	CCTH	811	Nguyễn Thị Yến	02/10/1992	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	10D.PH3	10D2010127	
88	CCTH	874	Đỗ Vân Anh	07/12/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.DLKS	11D1030041	
89	CCTH	756	Lục Thị Phương Châm	18/08/2004	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	11D.DLKS	11D1030044	
90	CCTH	924	Nguyễn Đức Dương	10/12/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	11D.DLKS	11D1030006	

STT	Mã hồ sơ		Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Mã SV	Ghi chú
91	CCTH	786	Nguyễn Toàn Được	23/12/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	11D.DLKS	11D1030050	
92	CCTH	868	Nguyễn Thị Hải	02/03/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.DLKS	11D1030051	
93	CCTH	757	Phạm Hồng Hạnh	31/08/2004	Hòa Bình	Nữ	Kinh	11D.DLKS	11D1030008	
94	CCTH	788	Lê Thúy Hằng	24/07/2004	Ninh Bình	Nữ	Kinh	11D.DLKS	11D1030052	
95	CCTH	751	Nguyễn Thị Hằng	06/10/2002	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.DLKS	11D1030007	
96	CCTH	839	Phạm Thị Huyền	18/12/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.DLKS	11D1030016	
97	CCTH	784	Trịnh Thị Ngọc Huyền	04/02/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	11D.DLKS	11D1030055	
98	CCTH	841	Nguyễn Thùy Linh	27/02/2003	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	11D.DLKS	11D1030076	
99	CCTH	840	Bùi Thị Cẩm Ly	15/06/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.DLKS	11D1030061	
100	CCTH	790	Vũ Thị Thúy Nga	10/11/2002	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	11D.DLKS	11D1030062	
101	CCTH	787	Nguyễn Thị Nguyệt	30/10/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.DLKS	11D1030063	
102	CCTH	785	Nguyễn Thị Kim Tuyến	10/05/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.DLKS	11D1030033	
103	CCTH	842	Lãnh Đình Tưởng	18/06/2004	Bắc Giang	Nam	Tày	11D.DLKS	11D1030032	
104	CCTH	782	Ngần Xuân Thanh	01/04/2004	Hòa Bình	Nam	Thái	11D.DLKS	11D1030069	
105	CCTH	783	Phạm Văn Thắng	20/08/2004	Hải Phòng	Nam	Kinh	11D.DLKS	11D1030027	
106	CCTH	749	Nguyễn Thanh Trà	14/07/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	11D.DLKS	11D1030030	
107	CCTH	750	Phạn Thanh Trang	05/02/2004	Hà Nam	Nữ	Kinh	11D.DLKS	11D1030031	
108	CCTH	838	Nguyễn Thị Hà Vy	31/07/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	11D.DLKS	11D1030075	
109	CCTH	789	Lèo Thị Huyền	28/08/2004	Sơn La	Nữ	Thái	11D.DLLH	11D1030015	
110	CCTH	851	Vũ Thùy Hương	27/02/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	11D.DLLH	11D1030056	
111	CCTH	870	Phan Văn Kiên	14/09/2004	Thanh Hóa	Nam	Kinh	11D.DLLH	11D1030017	
112	CCTH	848	Nguyễn Nam Khánh	24/08/2004	Hà Nam	Nam	Kinh	11D.DLLH	11D1030057	
113	CCTH	852	Giàng Mí Lầu	09/09/2004	Hà Giang	Nam	Mông	11D.DLLH	11D1030018	
114	CCTH	873	Nguyễn Thị Ngọc Linh	15/07/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.DLLH	11D1030019	
115	CCTH	850	Nguyễn Vân Núi	08/01/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	11D.DLLH	11D1030024	
116	CCTH	869	Nông Thị Nguyệt	10/03/2004	Bắc Giang	Nữ	Tày	11D.DLLH	11D1030021	
117	CCTH	795	Nguyễn Thị Ngọc Anh	22/03/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.KT01	11D3010002	
118	CCTH	849	Bùi Thanh Bình	30/11/2004	Sơn La	Nữ	Kinh	11D.KT01	11D3010005	
119	CCTH	773	Phạm Thị Ánh Dương	04/08/2004	Hải Phòng	Nữ	Kinh	11D.KT01	11D3010007	
120	CCTH	843	Trương Thị Gấm	30/07/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.KT01	11D3010008	
121	CCTH	770	Nguyễn Thị Thùy Giang	30/05/2004	Thái Bình	Nữ	Kinh	11D.KT01	11D3010009	
122	CCTH	781	Hoàng Thị Hồng Hạnh	03/02/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	11D.KT01	11D3010012	
123	CCTH	856	Nguyễn Thị Huệ	17/06/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.KT01	11D3010016	
124	CCTH	754	Lưu Bùi Hương Lan	18/12/2004	Thái Bình	Nữ	Kinh	11D.KT01	11D3010024	
125	CCTH	753	Nguyễn Thị Thu Loan	19/11/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	11D.KT01	11D3010026	
126	CCTH	796	Trần Huệ Mẫn	16/08/2004	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Hoa	11D.KT01	11D3010030	
127	CCTH	771	Dương Thị Minh	02/07/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	11D.KT01	11D3010032	
128	CCTH	777	Nguyễn Thị Như Ngọc	24/10/2004	Đồng Nai	Nữ	Kinh	11D.KT01	11D3010033	
129	CCTH	774	Lê Thị Minh Phượng	01/08/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.KT01	11D3010038	
130	CCTH	780	Trần Văn Tiến	28/07/1995	Bắc Ninh	Nam	Kinh	11D.KT01	11D3010040	
131	CCTH	772	Trần Ngọc Tĩnh	25/01/2004	Ninh Bình	Nữ	Kinh	11D.KT01	11D3010041	
132	CCTH	776	Trương Thị Lan Anh	10/10/2004	Nghệ An	Nữ	Kinh	11D.KT02	11D3010050	
133	CCTH	791	Đinh Ngọc Ánh	21/04/2004	Nam Định	Nam	Kinh	11D.KT02	11D3010051	
134	CCTH	866	Hà Nguyễn Như Bình	21/10/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.KT02	11D3010052	
135	CCTH	778	Lê Khánh Chi	15/12/2004	Thái Bình	Nữ	Kinh	11D.KT02	11D3010053	
136	CCTH	767	Nguyễn Ngọc Diệp	28/04/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.KT02	11D3010054	
137	CCTH	792	Hờ Thị Dung	04/10/2004	Điện Biên	Nữ	Mông	11D.KT02	11D3010055	
138	CCTH	863	Nguyễn Thị Duyên	04/11/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.KT02	11D3010057	

STT	Mã hồ sơ		Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lớp	Mã SV	Ghi chú
139	CCTH	762	Nhạc Thị Duyên	08/09/2004	Phú Thọ	Nữ	Mường	11D.KT02	11D3010058	
140	CCTH	794	Nguyễn Đan	10/10/2004	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	11D.KT02	11D3010060	
141	CCTH	859	Vũ Quỳnh Gấm	15/03/2004	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	11D.KT02	11D3010062	
142	CCTH	857	Đặng Thị Hảo	08/05/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.KT02	11D3010064	
143	CCTH	877	Nguyễn Thị Hằng	14/11/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.KT02	11D3010066	
144	CCTH	867	Ngô Thị Hồng	01/07/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.KT02	11D3010069	
145	CCTH	779	Lê Thị Thu Huệ	19/11/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.KT02	11D3010070	
146	CCTH	769	Nguyễn Thị Huyền	03/12/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.KT02	11D3010072	
147	CCTH	864	Nguyễn Thị Thương Huyền	13/12/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.KT02	11D3010073	
148	CCTH	768	Phan Thị Thu Huyền	13/10/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.KT02	11D3010074	
149	CCTH	766	Lâm Đức Kiều	13/08/2004	Tuyên Quang	Nam	Ngái	11D.KT02	11D3010076	
150	CCTH	860	Thân Thị Khánh Linh	02/09/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	11D.KT02	11D3010079	
151	CCTH	865	Lê Thị Thảo Lương	23/11/2004	TP Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	11D.KT02	11D3010080	
152	CCTH	875	Nguyễn Thị Cẩm Ly	21/08/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.KT02	11D3010081	
153	CCTH	893	Hoàng Thị Mai	18/05/2004	Tuyên Quang	Nữ	Tày	11D.KT02	11D3010082	
154	CCTH	861	Nguyễn Thị Nga	22/05/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.KT02	11D3010083	
155	CCTH	761	Nguyễn Thị Thúy Nga	15/01/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.KT02	11D3010084	
156	CCTH	844	Chu Bích Ngọc	23/05/2002	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.KT02	11D3010085	
157	CCTH	858	Nguyễn Thị Bích Ngọc	19/09/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.KT02	11D3010086	
158	CCTH	764	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	19/02/2001	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.KT02	11D3010087	
159	CCTH	879	Nguyễn Hồng Nhung	10/06/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.KT02	11D3010088	
160	CCTH	775	Trần Thị Hồng Nhung	06/03/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.KT02	11D3010089	
161	CCTH	862	Nguyễn Kim Oanh	05/10/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.KT02	11D3010090	
162	CCTH	793	Nguyễn Thị Phương	01/12/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.KT02	11D3010092	
163	CCTH	765	Nguyễn Thị Quyên	03/05/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.KT02	11D3010100	
164	CCTH	845	Đinh Phương Thảo	20/03/2004	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	11D.KT02	11D3010094	
165	CCTH	878	Hoàng Thị Trang	21/11/2003	Thái Bình	Nữ	Kinh	11D.KT02	11D3010095	
166	CCTH	876	Nguyễn Thị Kiều Trang	23/10/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.KT02	11D3010097	
167	CCTH	763	Chu Tố Trân	06/04/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.KT02	11D3010098	
168	CCTH	853	Nguyễn Quốc Vũ	12/04/2004	Kiên Giang	Nam	Kinh	11D.QTKD01	11D1010060	
169	CCTH	755	Phạm Thị Chúc	19/06/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.QTKD02	11D1010148	
170	CCTH	880	Phạm Ngô Thu hà	08/11/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	11D.QTKD02	11D1010083	
171	CCTH	881	Nguyễn Khắc Hùng	13/08/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	11D.QTKD02	11D1010095	
172	CCTH	855	Dương Thùy Linh	31/12/2001	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	11D.QTKD02	11D1010103	
173	CCTH	854	Nguyễn Thị Thơm	15/03/2004	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	11D.QTKD02	11D1010146	
174	CCTH	872	Nguyễn Văn Thư	27/07/2000	Thanh Hóa	Nam	Kinh	08D.KS	08D1030165	
175	CCTH	871	Hoàng Ngọc Mai	22/07/1999	Lạng Sơn	Nữ	Tày	11H.KT	11H3010004	
176	CCTH	758	Đinh Thị Khuyên	22/11/1993	Nghệ An	Nữ	Kinh	11LĐ.KT	11LĐ3010001	
177	CCTH	748	Giàng Thị Quyết	10/08/2005	Lai Châu	Nữ	Mông	12D.QTKD	12D1010044	
178	CCTH	760	Trần Thị Quyến	08/04/1990	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	12H.KT	12H3010003	
179	CCTH	759	Trần Thị Minh Nguyệt	23/05/1992	Hải Phòng	Nữ	Kinh	12LĐ.KT	12LĐ3010001	
180	CCTH	927	Nguyễn Thanh Chiến	15/02/2000	Tuyên Quang	Nam	Kinh	11D.DLKS	11D1030045	
181	CCTH	928	Dương Phương Uyên	15/12/2004	Hà Nội	Nữ	Kinh	11D.DLKS	11D1030072	

Danh sách gồm có 181 sinh viên./.